TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 259/2024/DS-PT
Ngày 13-6-2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Mai.

Các Thẩm phán: Bà Dương Thúy Hằng;

Bà Phạm Thị Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Quỳnh Anh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnhTây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bé Thi, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2024/TLPT-DS ngày 01 tháng 4 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 178/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Đ, sinh năm: 1970; cư trú tại: ấp G, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh. (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Dương Thị G, sinh năm: 1962; cư trú tại: ấp A, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phan Thế P, sinh năm: 1962; cư trú tại: ấp A, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh. (có mặt).

4. Người kháng cáo: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Phan Thế P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị Đ *và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Nguyên đơn bà Đ trình bày: Bà G có tham gia chơi hụi do bà làm chủ 03 dây hụi cụ thể: Dây hụi 1.000.000 đồng khui ngày 10-3-2022 gồm 26 hụi viên; dây hụi 2.000.000 đồng khui ngày 10-5-2021 gồm 25 hụi viên; dây hụi 1000.000đồng khui ngày 10-9-2020 gồm 24 hụi viên. Trong thời gian tham gia chơi hụi bà G đã hốt cả 3 dây hụi nên bà G phải đóng hụi chết cho bà nhưng bà G đóng hụi chết không đủ tiền, sau đó bà và bà G có gút sổ hụi lại thì bà G còn nợ bà 53.000.000 đồng và bà G ký tên trong giấy nợ. Số tiền 43.000.000 đồng là do bà ghi nhầm vì số tiền 17.500.000 đồng cộng 35.500.000 đồng là 53.000.000 đồng không phải 43.000.000 đồng. Khi gút nợ lại số tiền 53.000.000 đồng, bà G trả cho bà được 10.000.000 đồng nên còn nợ bà 43.000.000 đồng, bà có đến đòi nhiều lần mà không trả. Nay bà yêu cầu vợ chồng bà G ông P có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 43.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Bị đơn bà G và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông P trình bày: Ông bà xác định vợ chồng ông bà có vay của bà Đ số tiền 43.000.000 đồng và có trả được 21.800.0000 đồng nên chỉ còn nợ 21.200.000 đồng. Khi vợ ông trả tiền cho bà Đ không có giấy tờ và cũng không ai biết. Chữ ký Gái trong giấy nợ hai khoản tiền 17.500.000 đồng cộng 35.500.000 đồng thành 43.000.000 đồng là chữ ký của bà G. Việc bà G ký tên là do nhầm lẫn. Bà G không tham gia chơi hụi của bà Đ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Đ đối với bà Dương Thị G, ông Phan Thế P.

Buộc bà Dương Thị G, ông Phan Thế P có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Đ số tiền 43.000.000 đồng (bốn mươi ba triệu đồng). Ghi nhận bà Đ không yêu cầu trả lãi.

Bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 25-01-2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Phan Thế P có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, ông P giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm, buộc ông P, bà G trả cho bà Đ số tiền 33.000.000 đồng vì căn cứ vào danh

sách hụi viên, ngày mở hụi, ngày hốt hụi và mãn hụi của 2 dây hụi thì số tiền bà Đ đóng thay cho bà G chỉ là 41.500.000 đồng, không đúng với số tiền hụi thể hiện trên giấy tính tiền nợ hụi. Về án phí: Cấp sơ thẩm không xử lý trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn, không tuyên về quyền thỏa thuận thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn vắng mặt có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Phan Thế P, thấy rằng: Bà G, ông P cho rằng số tiền bà Đ khởi kiện đòi ông bà là tiền vay không phải nợ hụi, tuy nhiên bà G ông P thừa nhận có nợ bà Đ số tiền 43.000.000 đồng và thừa nhận chữ ký trong giấy tính tiền hụi do bà Đ giao nộp (bút lục 18). Giấy nợ thể hiện các khoản tiền nợ được cộng từ các khoản nợ hụi của 03 dây hụi, bà Đ cung cấp danh sách hụi viên. Do đó, có cơ sở xác định giữa bà G và bà Đ có giao dịch hụi với nhau và bà G còn nợ tiền hụi của bà Đ.

Xét về số tiền bà G, ông P còn nợ bà Đ: Theo các số liệu thể hiện tại giấy nợ thì tổng số tiền nợ hụi mà bà Đ đóng thay cho bà G của 03 dây hụi cộng lại là 53.000.000 đồng nhưng bà Đ cộng nhầm thành 43.000.000 đồng là có sự nhầm lẫn khi ghi chép, tính toán. Ông P, bà G cũng thừa nhận có nợ bà Đ 43.000.000 đồng, đã trả 21.800.000 đồng, chỉ còn nợ 21.200.000 đồng nhưng bà Đ không thừa nhận, ông P bà G không đưa ra được chứng cứ chứng minh đã trả cho bà Đ số tiền nêu trên. Do đó, cấp sơ thẩm buộc ông P, bà G trả cho bà Đ số tiền 43.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông P; có căn cứ chấp nhận một phần đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh.

[4] Về án phí: Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không xử lí trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn; ngoài ra, ông P, bà G là người cao tuổi, được miễn nộp án phí, tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nhưng cấp sơ thẩm không hướng dẫn cho bị đơn làm đơn xin miễn nộp án phí, tạm ứng án phí, không ra thông báo miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là có thiếu sót, cần sửa bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Thế P;

Sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí;

Căn cứ Điều 471 của Bộ luật Dân sự, các điều 27, 30 và 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Đ đối với bà Dương Thị G và ông Phan Thế P.

Buộc bà Dương Thị G, ông Phan Thế P có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Đ số tiền 43.000.000 đồng (bốn mươi ba triệu đồng). Ghi nhận bà Đ không yêu cầu trả lãi.

Kể từ ngày bà Đ có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà G, ông P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Ông Phan Thế P và bà Dương Thị G được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

Hoàn trả cho bà Phạm Thị Đ số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm dân sự đã nộp 1.075.000 (một triệu, không trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai số 0025932 ngày 18-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND. TTN;
- TAND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Phòng KTNV&THA. TATTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Hồng Mai